

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5960 /QĐ-BNNMT

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm
hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt**

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 đã được
sửa đổi, bổ sung tại Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 và Luật số
76/2025/QH15 ngày 17/6/2025 sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;*

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

*Căn cứ Luật Quản lý, đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số
68/2025/QH15 ngày 14/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2025/NĐ-CP ngày 25/02/2025 của Chính phủ
quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp
và Môi trường;*

*Căn cứ Nghị định số 23/2022/NĐ-CP ngày 05/4/2022 của Chính phủ về
thành lập, sắp xếp lại, chuyển đổi sở hữu, chuyển giao quyền đại diện chủ sở
hữu tại doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;*

*Căn cứ Quyết định số 5198/QĐ-BNNMT ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng
Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc thành lập Công ty trách nhiệm hữu hạn
một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt*

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Điều lệ tổ chức và hoạt động
của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt”
gồm 8 Chương 56 Điều.

Điều 2. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ; Vụ trưởng các Vụ: Tổ chức cán bộ, Kế hoạch - Tài chính; Chủ tịch, Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Khoản 2 Điều 2;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Thứ trưởng;
- Các Bộ: Công an, Công Thương,
Nội vụ, Tài chính;
- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Sở NN&MT, Sở Tài chính tỉnh Thanh Hóa;
- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ;
- Công đoàn NN&MT Việt Nam;
- Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Bộ;
- Hội Cựu chiến binh Bộ;
- Lưu: VT, TCCB (TMH).

Phước

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Hoàng Hiệp

ĐIỀU LỆ

Tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 5960/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Công ty” là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt, được thành lập theo Quyết định số 5198/QĐ-BNNMT ngày 09/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

b) “Điều lệ” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt;

c) “Đơn vị phụ thuộc” là các đơn vị hạch toán phụ thuộc nằm trong cơ cấu tổ chức của Công ty, bao gồm: chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh.

d) “Vốn điều lệ” là tổng số vốn do chủ sở hữu đầu tư ghi tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;

đ) “Người quản lý doanh nghiệp” là người giữ chức danh, chức vụ tại Công ty, bao gồm: Chủ tịch; Giám đốc; Phó giám đốc; Kế toán trưởng Công ty;

e) “Đầu tư nội bộ Công ty” là hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trong nội bộ Công ty;

g) “Người có quan hệ gia đình” bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng;

h) “Luật số 68” là Luật số 68/2025/QH15 ngày 14 tháng 6 năm 2025 về quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

i) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020 được sửa đổi bổ sung tại Luật số 76/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025;

k) “Luật Tài nguyên nước” là Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27/11/2023;

l) “Luật Thủy lợi” là Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

m) “Luật Lâm nghiệp” là Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 ngày 15/11/2017;

n) “Luật Bảo vệ môi trường” là Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

o) “Nghị định số 159” là Nghị định số 159/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ và người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 69/2023/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2023.

2. Các từ ngữ và thuật ngữ khác không được giải thích trong Điều lệ này nhưng đã được giải thích tại các văn bản quy phạm pháp luật khác thì có nghĩa như trong văn bản pháp luật đó.

3. Các tham chiếu của Điều lệ này tới quy định của các văn bản quy phạm pháp luật khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế các văn bản quy phạm pháp luật đó.

Điều 2. Tên công ty, trụ sở chính

1. Tên của Công ty

a) Tên bằng Tiếng Việt:

- Tên đầy đủ: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt.

- Tên giao dịch: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt (viết tắt Công ty TNHH MTV Khai thác thủy lợi Cửa Đạt).

b) Tên bằng tiếng Anh:

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: Cua Dat Irrigation project exploitation one-member company limited.

- Tên giao dịch viết tắt bằng tiếng Anh: CuaDatIMC

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

3. Trụ sở chính của Công ty: xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

- Điện thoại: 0869.881.777 Email: Congtycuadat@gmail.com

- Website: Hocuadat.vn

4. Tên, địa chỉ chi nhánh:

- a) Chi nhánh Cửa Đạt; địa chỉ: xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.
- b) Chi nhánh Ngàn Trươi; địa chỉ: xã Vũ Quang, tỉnh Hà Tĩnh.
- c) Chi nhánh Xí nghiệp kinh doanh tổng hợp; địa chỉ: xã Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Điều 3. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Khai thác thủy lợi Cửa Đạt là doanh nghiệp do nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ được tổ chức theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Công ty có tư cách pháp nhân, con dấu riêng, được mở tài khoản tiền Việt Nam và ngoại tệ tại Kho bạc nhà nước, các ngân hàng thương mại trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

3. Công ty có vốn và tài sản riêng, chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty.

4. Công ty có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, thương hiệu, biểu tượng riêng của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh

1. Mục tiêu:

a) Quản lý, khai thác công trình thủy lợi phục vụ sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản; kết hợp cấp nước cho sinh hoạt và các ngành kinh tế khác; góp phần phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phục hồi và phát triển nguồn nước, bảo đảm an ninh nguồn nước, phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường;

b) Bảo toàn, phát triển vốn nhà nước giao; sử dụng vốn của nhà nước có hiệu quả trên cơ sở phát triển sản xuất kinh doanh theo ngành nghề đăng ký và theo quy định của nhà nước, tạo việc làm ổn định và thu nhập hợp pháp cho người lao động, hoàn thành các nhiệm vụ do cơ quan đại diện chủ sở hữu giao;

c) Phát triển thêm các hoạt động kinh doanh tổng hợp có liên quan đến hoạt động quản lý khai thác công trình thủy lợi để phát huy hiệu quả nguồn lực được nhà nước giao quản lý, sử dụng;

d) Kết hợp giữa phát triển sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển với nhiệm vụ giữ vững an ninh, chính trị, quốc phòng, hỗ trợ an sinh xã hội;

đ) Tăng cường công tác quản lý điều hành doanh nghiệp, sử dụng hiệu quả nguồn vốn, tài sản và mọi nguồn lực nhà nước giao.

2. Nhiệm vụ:

a) Quản lý, vận hành, khai thác an toàn, hiệu quả công trình đầu mối và kênh chính thuộc hệ thống thủy lợi Cửa Đạt, hồ chứa nước Ngàn Trươi theo các nhiệm vụ, thông số kỹ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ban hành

để cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh và cải tạo môi trường, phòng, chống thiên tai, kết hợp phát điện;

b) Tham gia sản xuất kinh doanh tổng hợp có lợi nhuận, tạo nguồn thu từ kết hợp phát điện, cung cấp nước cho sinh hoạt, công nghiệp, dịch vụ và các loại hình sản xuất nông nghiệp; tăng nguồn thu, giảm cấp bù từ ngân sách, tạo động lực nâng cao hiệu quả quản lý công trình thủy lợi;

c) Thực hiện công tác tư vấn quản lý dự án theo hợp đồng ký kết với các chủ đầu tư khác phù hợp với chuyên môn nghiệp vụ và năng lực của Công ty; thực hiện chức năng chủ đầu tư các chương trình, đề án, dự án được giao theo đúng quy định hiện hành;

d) Tăng cường công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp; sử dụng hiệu quả vốn, tài sản và mọi nguồn lực nhà nước giao; đảm bảo kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước do chủ sở hữu đầu tư tại Công ty;

đ) Thực hiện quản lý, khai thác các công trình thủy lợi khác và các nhiệm vụ do Bộ Nông nghiệp và Môi trường giao.

3. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước Chi tiết: Quản lý, vận hành, khai thác, sửa chữa, nâng cấp hệ thống công trình thủy lợi; điều tiết dòng chảy, cắt, giảm lũ cho hạ du; cung cấp nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, dân sinh và đầy mặn, cải tạo môi trường sinh thái,... theo nhiệm vụ nhà nước giao; kết hợp cấp nước phát điện.	3600
2	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110
3	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: - Xây dựng công trình cấp, thoát nước - Xây dựng công trình công ích khác	4222 4229
4	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
5	Xây dựng nhà để ở	4101
6	Xây dựng nhà không để ở	4102
7	Xây dựng công trình thủy	4291
8	Xây dựng công trình đường bộ	4212
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10	Sản xuất điện từ nguồn năng lượng tái tạo	3512
11	Phá dỡ và chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết:	

STT	Tên ngành	Mã ngành
	- Phá dỡ	4311
	- Chuẩn bị mặt bằng	4312
12	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
13	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông và thạch cao	2395
14	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Cụ thể: - Bán buôn than đá và nhiên liệu rắn khác; - Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan	46711 46713
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Cụ thể: - Bán buôn xi măng; - Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; - Bán buôn sơn, vécni; - Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng.	46732 46733 46735 46736 46739
16	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho loại khác	52109
17	Dịch vụ du lịch và các dịch vụ khác theo quy định của pháp luật Cụ thể: - Đại lý lữ hành - Điều hành tua du lịch - Hoạt động liên quan đến du lịch khác	7911 7912 7990
18	Khách sạn và Dịch vụ lưu trú tương tự	5510
19	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
20	Dịch vụ ăn uống khác	5629
21	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ương giống cây lâm nghiệp. Cụ thể: Trồng rừng và chăm sóc rừng cây thân gỗ; Trồng rừng và chăm sóc rừng họ tre; Trồng rừng và chăm sóc rừng khác; Ương giống cây lâm nghiệp	0210
22	Khai thác gỗ	0220
23	Khai thác lâm sản trừ gỗ	02301
24	Thu nhặt lâm sản trừ gỗ	02302
25	Trồng cây ăn quả	0121
26	Trồng cây hàng năm khác	0119

STT	Tên ngành	Mã ngành
27	Trồng cây lâu năm khác	0129
28	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
29	Khai thác thủy sản nội địa	0312
30	Trồng trọt, chăn nuôi hỗn hợp	0150
31	Nuôi trồng thủy sản nội địa.	0322
32	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
33	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
34	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
35	Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai	11051

Điều 5. Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên khai thác thủy lợi Cửa Đạt tại thời điểm thành lập là 5.329.809.888.186 đồng (Năm nghìn ba trăm hai mươi chín tỷ, tám trăm lẻ chín triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn, một trăm tám mươi sáu đồng).

2. Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty trong quá trình hoạt động được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là Chủ tịch công ty.

2. Trong trường hợp Chủ tịch vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Người đại diện theo pháp luật có trách nhiệm:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của nhà nước, chủ sở hữu và Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của nhà nước, chủ sở hữu và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá

nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 3 Điều này.

Điều 7. Chủ sở hữu và cơ quan đại diện Chủ sở hữu

1. Chủ sở hữu: Nhà nước là chủ sở hữu Công ty.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu: Bộ Nông nghiệp và Môi trường là cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty.

Địa chỉ: Số 10 phố Tôn Thất Thuyết, phường Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Điều 8. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong Công ty

1. Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật, Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Các tổ chức chính trị - xã hội khác trong Công ty hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của tổ chức chính trị - xã hội đó phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Công ty tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, thời gian, điều kiện cần thiết khác để thành viên các tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của tổ chức đó.

Chương II

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 9. Quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu

Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty có các quyền sau đây:

1. Quyết định thành lập, tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản Công ty theo đề án tổng thể sắp xếp đổi mới doanh nghiệp đã được phê duyệt.

2. Quyết định chuyển giao vốn nhà nước tại Công ty giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu cho cơ quan đại diện chủ sở hữu khác hoặc doanh nghiệp có chức

năng đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước sau khi được Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương.

3. Ban hành Điều lệ, sửa đổi và bổ sung Điều lệ.

4. Quyết định mức vốn điều lệ của Công ty; điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động.

5. Quyết định tên gọi, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành, nghề kinh doanh; mô hình hoạt động, cơ cấu tổ chức của Công ty.

6. Quyết định đánh giá, quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Chủ tịch Công ty và Kiểm soát viên.

7. Quy định cơ chế giao nhiệm vụ, đặt hàng và tham gia thực hiện việc cung cấp và bảo đảm các sản phẩm, dịch vụ công ích, thiết yếu của nền kinh tế.

8. Phê duyệt chủ trương góp vốn, tăng giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp khác trở thành công ty con, công ty liên kết của Công ty.

9. Phê duyệt phương án huy động vốn đối với từng dự án có mức huy động bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn hoặc vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

10. Phê duyệt dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án hoặc vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

11. Phê duyệt chủ trương ký hợp đồng cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công.

12. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm của Công ty.

13. Phê duyệt Quỹ tiền lương, thù lao hằng năm của Kiểm soát viên, người quản lý Công ty; phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ hằng năm của Công ty.

14. Phê duyệt chủ trương để Chủ tịch Công ty quyết định thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty theo quy định của pháp luật.

15. Cho ý kiến để Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty.

16. Giám sát, kiểm tra, thanh tra việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn, thực hiện chiến lược, kế hoạch đầu tư phát triển, việc tuyển dụng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng của Công ty; có ý kiến về việc giám sát, kiểm tra, thanh tra của cơ quan, tổ chức khác có thẩm quyền đối với hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại Công ty.

17. Kiểm tra, giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty.

18. Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 10. Nghĩa vụ của cơ quan đại diện chủ sở hữu

1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho Công ty.

2. Thực hiện đúng các quy định tại Điều lệ của Công ty liên quan đến chủ sở hữu.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi quyết định dự án đầu tư; phê duyệt chủ trương mua, bán, huy động vốn, thuê, cho thuê theo thẩm quyền.

4. Bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm theo pháp luật của Công ty; không can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của Công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương III

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Công ty đối với vốn và tài sản

1. Quyền đối với vốn và tài sản:

a) Chiếm hữu, sử dụng vốn và tài sản của Công ty để kinh doanh, thực hiện các hoạt động hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty;

b) Được quyền sử dụng tài sản, tiền vốn thuộc quyền quản lý, sử dụng của Công ty để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp;

Việc đầu tư ra ngoài doanh nghiệp phải tuân thủ quy định của pháp luật và phù hợp với ngành nghề kinh doanh chính, không ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và đảm bảo có hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư;

Việc đầu tư ra ngoài liên quan đến đất đai phải tuân thủ Luật Đất đai và các quy định pháp luật về đất đai;

c) Công ty không được sử dụng vốn tài sản, tiền vốn, quyền sử dụng đất giao hoặc thuê để góp vốn hoặc đầu tư vào lĩnh vực bất động sản, không được góp vốn, mua cổ phần tại ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty chứng khoán, quỹ đầu tư mạo hiểm, quỹ đầu tư chứng khoán, công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;

d) Công ty không được sử dụng tài sản do doanh nghiệp đang đi thuê hoạt động, đi mượn, nhận giữ hộ, nhận gia công, nhận bán đại lý, ký gửi để đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và đi thế chấp, cầm cố.

2. Nghĩa vụ đối với vốn và tài sản:

a) Bảo toàn và phát triển vốn nhà nước đầu tư tại Công ty, vốn Công ty tự huy động;

b) Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số tài sản của Công ty;

c) Định kỳ đánh giá lại tài sản của Công ty theo quy định của pháp luật;

d) Thực hiện các quyền khác đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong sản xuất, kinh doanh

1. Quyền trong sản xuất, kinh doanh:

a) Kinh doanh những ngành, nghề, lĩnh vực quy định tại khoản 3 Điều 4 Điều lệ này và các ngành, nghề khác theo quyết định của chủ sở hữu, mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng, nhu cầu của thị trường trong, ngoài nước phù hợp với quy định của pháp luật;

b) Chủ động tổ chức sản xuất, kinh doanh, theo kế hoạch; tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và đảm bảo kinh doanh có hiệu quả;

c) Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do nhà nước định giá;

d) Chủ động tìm kiếm thị trường, khách hàng trong và ngoài nước và ký kết hợp đồng; quyết định việc phối hợp các nguồn lực, hợp tác kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thị trường, phù hợp với quy định của pháp luật;

đ) Tuyển chọn, ký kết hợp đồng lao động; bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động; lựa chọn hình thức trả lương, thưởng cho người lao động trên cơ sở hiệu quả sản xuất kinh doanh và các quy định của pháp luật;

e) Xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, quy trình, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức lao động, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên

cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh và phù hợp với quy định của pháp luật;

g) Chủ động ứng dụng khoa học và công nghệ để nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng cạnh tranh;

h) Từ chối yêu cầu cung cấp nguồn lực không theo quy định của pháp luật;

i) Có các quyền sản xuất, kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường và phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ trong sản xuất, kinh doanh

a) Đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh khi kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư và bảo đảm duy trì đủ điều kiện đầu tư kinh doanh đó trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh;

b) Xây dựng chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm, các phương án đầu tư, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường và mục tiêu, nhiệm vụ nhà nước giao;

c) Tổ chức và thực hiện các biện pháp nhằm bảo đảm hoạt động sản xuất, kinh doanh có hiệu quả. Bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố;

d) Chịu sự giám sát của chủ sở hữu trong việc thực hiện các quy định về thang bảng lương, đơn giá tiền lương, chế độ tiền lương đối với người quản lý và người lao động;

đ) Bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động;

e) Chịu sự kiểm tra, kiểm toán, kiểm soát của chủ sở hữu; tuân thủ các quy định về thanh tra của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;

g) Thực hiện nghĩa vụ về đạo đức kinh doanh để bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của khách hàng và người tiêu dùng;

h) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và được nhà nước giao.

Điều 13. Quyền và nghĩa vụ của Công ty về tài chính

1. Quyền về tài chính:

a) Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức phát hành trái phiếu; vay vốn của tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật;

Việc huy động vốn phục vụ sản xuất kinh doanh phải đảm bảo có tổng số nợ phải trả bao gồm các khoản bảo lãnh đối với công ty con không quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài

chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm huy động vốn;

b) Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của Công ty theo quy định của pháp luật và phù hợp với đặc thù của ngành, lĩnh vực kinh doanh chính;

c) Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của nhà nước không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của Công ty theo quy định của pháp luật;

d) Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật; thực hiện quyền chủ sở hữu đối với phần vốn đã đầu tư vào các công ty con và các doanh nghiệp khác;

đ) Có các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ về tài chính của Công ty:

a) Tự chủ về tài chính, tự cân đối về các khoản thu, chi; kinh doanh có hiệu quả, bảo đảm chỉ tiêu tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu do chủ sở hữu nhà nước đầu tư; đăng ký kê khai và nộp đủ thuế; thực hiện nghĩa vụ đối với chủ sở hữu và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Quản lý, sử dụng có hiệu quả: Vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác; tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do nhà nước giao, cho thuê;

c) Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khi nhà nước yêu cầu;

d) Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ, hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của Công ty;

đ) Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, công khai tài chính hàng năm và cung cấp các thông tin cần thiết để đánh giá trung thực về hiệu quả hoạt động của Công ty;

e) Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Công ty và quy định khác của pháp luật.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ với hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi

1. Quyền tham gia hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

a) Được thực hiện ký kết hợp đồng hoặc được nhận nhiệm vụ, đặt hàng về cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi theo quy định của pháp luật;

b) Được hạch toán và bù đắp chi phí theo giá, đơn giá do pháp luật về đấu

thầu quy định; được thu tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo giá sản phẩm, dịch vụ thủy lợi theo quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành;

c) Được bảo đảm thời hạn cung ứng sản phẩm, dịch vụ thích hợp để thu hồi vốn đầu tư và có lãi hợp lý.

2. Nghĩa vụ tham gia hoạt động cung cấp sản phẩm, dịch vụ thủy lợi:

a) Cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng;

c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.

3. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 11, Điều 12, Điều 13, khoản 1, khoản 2 Điều 14 Điều lệ này và theo quy định của pháp luật có liên quan.

Chương IV

TỔ CHỨC, QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 15. Mô hình, cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

1. Tổ chức bộ máy Công ty gồm:

a) Cơ quan văn phòng Công ty.

b) Các đơn vị phụ thuộc.

- Chi nhánh Cửa Đạt;

- Chi nhánh Ngàn Trươi;

- Chi nhánh Xí nghiệp Kinh doanh tổng hợp;

- Các đơn vị phụ thuộc khác: Được thành lập theo quy định của pháp luật.

3. Cơ cấu quản lý, điều hành, giám sát của Công ty gồm:

a) Chủ tịch Công ty;

b) Giám đốc;

c) Ban Kiểm soát.

4. Bộ máy giúp việc gồm:

a) Phó Giám đốc, Kế toán trưởng;

b) Phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ:

- Phòng Tổ chức - Hành chính;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;

- Phòng Quản lý nước và môi trường;

- Phòng Quản lý công trình;
- Phòng Quản lý dự án.

Trong quá trình hoạt động của Công ty: Tổ chức bộ máy, cơ cấu quản lý, điều hành, bộ máy giúp việc có thể được thay đổi để phù hợp với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh, theo quyết định của cơ quan đại diện Chủ sở hữu hoặc để phù hợp quy định của pháp luật.

Mục 1

CHỦ TỊCH CÔNG TY

Điều 16. Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty là đại diện trực tiếp của chủ sở hữu tại Công ty; Chủ tịch Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu giao và có quyền nhân danh Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Công ty không quá 05 năm. Chủ tịch Công ty có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 2 nhiệm kỳ.

4. Chủ tịch Công ty có thể kiêm Giám đốc Công ty.

Điều 17. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Công ty

1. Đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường quyết định ban hành Điều lệ; điều chỉnh vốn điều lệ; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể, phá sản doanh nghiệp; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, tiền lương, thù lao, tiền thưởng và các quyền lợi khác đối với người quản lý, Kiểm soát viên Công ty.

2. Quyết định thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc sau khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt chủ trương.

3. Chủ tịch Công ty quyết định sau khi có ý kiến của Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

a) Góp vốn, tăng giảm vốn góp, chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp khác trở thành công ty con, công ty liên kết của Công ty;

b) Phương án huy động vốn, dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất hoặc vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công;

c) Dự án đầu tư, xây dựng, mua, bán, thanh lý tài sản cố định với giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của Công ty tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định dự án hoặc vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công (đối với tài sản cố định do ngân sách nhà nước cấp thực hiện theo Luật ngân sách và pháp luật chuyên ngành);

d) Cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản của doanh nghiệp có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn chủ sở hữu ghi trong báo cáo tài chính quý hoặc năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm quyết định cho thuê, thế chấp, cầm cố tài sản và giá trị còn lại của tài sản cho thuê, thế chấp, cầm cố vượt quá mức vốn của dự án nhóm B theo quy định của Luật Đầu tư công (đối với tài sản cố định do ngân sách nhà nước cấp thực hiện theo Luật ngân sách và pháp luật chuyên ngành);

đ) Thành lập, tổ chức lại, chấm dứt hoạt động của các chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty theo quy định của pháp luật;

e) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty;

g) Phê duyệt quỹ tiền lương của người lao động trong Công ty.

4. Chủ tịch Công ty quyết định:

a) Quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng;

b) Phê duyệt chủ trương đề Giám đốc Công ty thực hiện quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Trưởng, Phó các phòng ban chuyên môn, Trưởng, Phó các đơn vị phụ thuộc và tương đương;

c) Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban chuyên môn, Trưởng các đơn vị phụ thuộc và tương đương.

5. Chủ tịch Công ty quyết định hoặc phân cấp cho Giám đốc Công ty:

a) Ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty (Quy chế công bố thông tin; Quy chế hoạt động của các phòng ban, đơn vị phụ thuộc; Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế tiền lương và các quy chế khác);

b) Tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và hàng năm; giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ; cơ chế thực hiện các sản phẩm, dịch vụ công ích.

6. Tổ chức công bố, công khai thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực và tính hệ thống của thông tin được công bố.

7. Thực hiện quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật 68 và quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 18. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty quản lý, điều hành Công ty tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của chủ sở hữu.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của nhà nước, chủ sở hữu và Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của nhà nước, chủ sở hữu và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

5. Chịu trách nhiệm trước cơ quan đại diện chủ sở hữu trong quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; báo cáo kịp thời cơ quan đại diện chủ sở hữu khi doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không bảo đảm khả năng thanh toán, không hoàn thành nhiệm vụ được giao và những trường hợp sai phạm khác.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi thực hiện các hành vi sau đây:

a) Lợi dụng danh nghĩa Công ty thực hiện hành vi vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn khi nguy cơ rủi ro tài chính có thể xảy ra đối với công ty;

d) Có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định pháp luật nếu có hành vi vi phạm pháp luật mà gây thiệt hại đến kinh tế, tài sản của nhà nước, doanh nghiệp.

7. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 19. Tiêu chuẩn, điều kiện Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.
2. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.
3. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.
4. Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề hoạt động của doanh nghiệp.
5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên của công ty.
6. Không phải là người quản lý doanh nghiệp thành viên.
7. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.
8. Các tiêu chuẩn, điều kiện khác quy định của pháp luật và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 20. Từ chức, miễn nhiệm, cách chức, buộc thôi việc Chủ tịch Công ty

1. Chủ tịch Công ty được xem xét chấp thuận từ chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 159.
2. Chủ tịch Công ty không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 159.
3. Chủ tịch Công ty bị xem xét miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 159.
4. Chủ tịch Công ty bị xem xét hình thức và mức độ kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159.

Mục 2

GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Điều 21. Giám đốc Công ty

Giám đốc điều hành hoạt động hằng ngày của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch và các quyết định của Chủ tịch Công ty, phù hợp với Điều lệ của Công ty và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Chủ tịch Công ty về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Điều 22. Nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc Công ty

1. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty và của cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty.
2. Tổ chức thực hiện và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, phương án kinh doanh, kế hoạch đầu tư của công ty.
3. Lập và trình Chủ tịch Công ty báo cáo định kỳ hằng quý, hằng năm về kết quả thực hiện mục tiêu kế hoạch kinh doanh; báo cáo tài chính.
4. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của công ty.
5. Ban hành quy chế quản lý nội bộ của công ty theo thẩm quyền hoặc được phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Công ty.
6. Quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển, chấp thuận từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với các chức danh lãnh đạo trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch Công ty.
7. Đánh giá, xếp loại chất lượng hàng năm đối với Trưởng, Phó các phòng ban chuyên môn, Trưởng, Phó các đơn vị phụ thuộc và tương đương.
8. Tuyển dụng lao động trên cơ sở kế hoạch sử dụng lao động hằng năm được Chủ tịch Công ty chấp thuận.
9. Ký kết hợp đồng, giao dịch nhân danh công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Công ty;
10. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty.
11. Kiến nghị phân bổ và sử dụng lợi nhuận sau thuế; kiến nghị phương án xử lý lỗ trong kinh doanh và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty;
12. Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 23. Nghĩa vụ và trách nhiệm của Giám đốc Công ty

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ, Nghị quyết, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Chủ tịch Công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty; lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch Công ty trong mọi hoạt động của Công ty.

5. Thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Giám đốc và người có liên quan làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty thực hiện các hành vi vi phạm pháp luật; tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác; thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

8. Khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các nghĩa vụ tài chính đến hạn phải trả thì Giám đốc phải báo cáo Chủ tịch Công ty để có biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính. Trong trường hợp này, Giám đốc không được quyết định tăng tiền lương, trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động.

9. Trường hợp Giám đốc vi phạm Điều lệ Công ty, quyết định vượt thẩm quyền, lợi dụng chức vụ, quyền hạn gây thiệt hại cho Công ty và nhà nước thì phải chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

10. Không được để người có quan hệ gia đình của mình giữ các chức danh Chủ tịch Công ty, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Công ty.

11. Có trách nhiệm cung cấp tài liệu cần thiết phục vụ cho việc kiểm tra, giám sát và phải chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, trung thực, chính xác và hợp pháp của tài liệu, số liệu đã cung cấp.

12. Thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật liên quan.

Điều 24. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc Công ty

1. Là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam.

2. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp.

3. Có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, hiểu biết pháp luật và có ý thức chấp hành pháp luật; đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

4. Có trình độ đại học trở lên, có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

5. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của công ty; Chủ tịch công ty; Phó giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên của Công ty.

6. Chưa từng bị cách chức Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, Giám đốc, Phó giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc của doanh nghiệp nhà nước.

7. Không được kiêm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của doanh nghiệp khác.

8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của pháp luật.

Điều 25. Từ chức, miễn nhiệm, cách chức, buộc thôi việc Giám đốc Công ty

1. Giám đốc Công ty được xem xét chấp thuận từ chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 159.

2. Giám đốc Công ty không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 159.

3. Giám đốc Công ty bị xem xét miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 159.

4. Giám đốc Công ty bị xem xét hình thức và mức độ kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159.

Mục 3

BAN KIỂM SOÁT

Điều 26. Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty có 01 (một) Kiểm soát viên; Kiểm soát viên đồng thời là Trưởng Ban kiểm soát. Kiểm soát viên do Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại nhưng không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

Điều 27. Chế độ làm việc của Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên làm việc chuyên trách tại Công ty.

2. Kiểm soát viên chủ động thực hiện các nhiệm vụ và công việc được phân công; đề xuất, kiến nghị thực hiện các nhiệm vụ, công việc kiểm soát khác ngoài kế hoạch, ngoài phạm vi được phân công khi xét thấy cần thiết.

3. Kiểm soát viên hoạt động độc lập về nghiệp vụ, tuân thủ pháp luật và chỉ đạo của chủ sở hữu. Chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình trước pháp luật và trước chủ sở hữu, đảm bảo tính khách quan trung thực của các báo cáo, về các kết luận giám sát và đề xuất của mình khi thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của Kiểm soát viên Công ty.

4. Kiểm soát viên hàng quý và hàng năm rà soát, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm soát tại doanh nghiệp trình cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 28. Quyền của Kiểm soát viên

1. Tham gia các cuộc họp, các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu; có quyền chất vấn Chủ tịch Công ty và Giám đốc về các kế hoạch, dự án hay chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong quản lý điều hành công ty.

2. Xem xét sổ sách kế toán, báo cáo, hợp đồng, giao dịch và tài liệu khác của Công ty; kiểm tra công việc quản lý điều hành của Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Yêu cầu Chủ tịch Công ty và Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những người quản lý khác báo cáo, cung cấp thông tin về bất cứ việc gì trong phạm vi quản lý và hoạt động đầu tư, kinh doanh của Công ty.

4. Yêu cầu Người quản lý Công ty báo cáo về thực trạng tài chính, thực trạng và kết quả kinh doanh của những doanh nghiệp mà Công ty góp vốn khi xét thấy cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

5. Đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu thành lập đơn vị thực hiện nhiệm vụ kiểm toán tham mưu và trực tiếp hỗ trợ Kiểm soát viên thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

6. Được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên.

7. Thực hiện các quyền khác quy định của pháp luật.

Điều 29. Trách nhiệm, nghĩa vụ của Kiểm soát viên

1. Trách nhiệm của Kiểm soát viên:

a) Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của cơ quan đại diện chủ sở hữu và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất để bảo vệ lợi ích hợp pháp tối đa của nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu và lợi ích hợp pháp của các bên tại Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của nhà nước, cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho cơ quan đại diện chủ sở hữu về doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối và doanh nghiệp mà người có quan hệ gia đình của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối. Thông báo này được tập hợp và lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty, niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty;

đ) Báo cáo kịp thời cho cơ quan đại diện chủ sở hữu Công ty, đồng thời yêu cầu cá nhân đó chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả trong trường hợp sau đây:

- Phát hiện Chủ tịch, Giám đốc Công ty và người quản lý khác làm trái quy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của họ hoặc có nguy cơ làm trái quy định đó;

- Phát hiện hành vi vi phạm pháp luật, trái quy định Điều lệ Công ty hoặc quy chế quản trị nội bộ của Công ty;

e) Trường hợp vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó; tùy theo tính chất, mức độ vi phạm và thiệt hại còn có thể bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho Công ty mọi thu nhập và lợi ích có được do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này;

g) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Kiểm soát viên:

a) Xây dựng Kế hoạch công tác hằng năm, trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt, ban hành trong quý I; thực hiện theo Kế hoạch công tác năm được phê duyệt;

Đối với những trường hợp cần phải kiểm tra, giám sát đột xuất nhằm phát hiện sớm những sai sót của doanh nghiệp, Kiểm soát viên chủ động thực hiện, đồng thời báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu;

b) Giám sát việc tổ chức thực hiện chiến lược phát triển, kế hoạch kinh doanh;

c) Giám sát, đánh giá thực trạng hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của Công ty;

d) Giám sát và đánh giá việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty;

đ) Giám sát, đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế tài chính, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế quản lý nợ quy chế hoạt động của các phòng ban, chi nhánh, quy chế trả lương, nâng lương, khen thưởng kỷ luật và các quy chế

quản trị nội bộ khác;

e) Giám sát tính hợp pháp, tính hệ thống và trung thực trong công tác kế toán, sổ sách kế toán, trong nội dung báo cáo tài chính, các phụ lục và tài liệu liên quan;

g) Giám sát thực hiện các dự án đầu tư có giá trị lớn hơn 30% vốn chủ sở hữu hoặc lớn hơn mức vốn của dự án nhóm B theo phân loại quy định tại Luật Đầu tư công, hợp đồng, giao dịch mua, bán, giao dịch kinh doanh có giá trị lớn hơn 10% vốn chủ sở hữu hoặc theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu; giao dịch kinh doanh bất thường của Công ty;

h) Lập và gửi báo cáo đánh giá, kiến nghị về nội dung quy định tại các điểm b, c, d, đ, e và g khoản này cho cơ quan đại diện chủ sở hữu;

i) Thực hiện nghĩa vụ khác theo yêu cầu của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Điều 30. Tiêu chuẩn, điều kiện Kiểm soát viên

1. Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và có ít nhất 05 năm kinh nghiệm làm việc.

2. Không được là người quản lý Công ty và người quản lý tại doanh nghiệp khác; không được là Kiểm soát viên của doanh nghiệp không phải là doanh nghiệp nhà nước; không phải là người lao động của Công ty.

3. Không phải là người có quan hệ gia đình của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan đại diện chủ sở hữu của Công ty; Chủ tịch; Giám đốc; Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

4. Đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 31. Từ chức, miễn nhiệm và xem xét kỷ luật đối với Kiểm soát viên

1. Kiểm soát viên được xem xét chấp thuận từ chức theo quy định tại Khoản 1 Điều 52 Nghị định số 159.

2. Kiểm soát viên không được từ chức nếu thuộc một trong các trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 52 Nghị định số 159.

3. Kiểm soát viên bị xem xét miễn nhiệm theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Nghị định số 159.

4. Kiểm soát viên bị xem xét hình thức và mức độ kỷ luật theo các quy định tại Nghị định số 159.

Điều 32. Tiền lương và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng, điều kiện làm việc, định mức chi phí công tác và các chi phí hoạt động khác của Kiểm soát viên do cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định theo quy định của pháp luật hiện hành; được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty.

2. Kiểm soát viên được hưởng chế độ phúc lợi, ưu đãi và tham gia các hoạt động xã hội, đoàn thể của Công ty như cán bộ, nhân viên và người lao động của Công

Mục 4

BỘ MÁY GIÚP VIỆC

Điều 33. Phó Giám đốc

1. Công ty có không quá 03 (ba) Phó giám đốc; trong quá trình hoạt động Chủ tịch công ty quyết định cụ thể cơ cấu, số lượng Phó giám đốc căn cứ theo quy mô và đặc điểm sản xuất, kinh doanh.

2. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, luân chuyển đối với Phó giám đốc sau khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận chủ trương; thực hiện quy hoạch, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Phó giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

3. Các Phó giám đốc giúp việc cho Giám đốc trong điều hành Công ty theo sự phân công, ủy quyền của Giám đốc; chịu trách nhiệm trước Giám đốc và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công hoặc ủy quyền. Việc ủy quyền có liên quan đến việc ký kết hợp đồng kinh tế hoặc liên quan tới việc sử dụng con dấu của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản, nêu rõ nội dung ủy quyền và thời hạn ủy quyền.

4. Nhiệm kỳ của Phó giám đốc do Chủ tịch Công ty quyết định nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại hoặc ký tiếp hợp đồng.

5. Tiêu chuẩn, quyền hạn, nghĩa vụ cụ thể của Phó Giám đốc được quy định tại Quy chế bổ nhiệm các chức danh quản lý Công ty.

6. Công ty căn cứ quy định tại Nghị định 159 và các quy định khác thực hiện đánh giá, bổ nhiệm, từ chức, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với chức danh Phó giám đốc Công ty.

Điều 34. Kế toán trưởng

1. Chủ tịch Công ty quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động,

luân chuyển đối với Kế toán trưởng sau khi được Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận chủ trương; thực hiện quy hoạch, đánh giá, miễn nhiệm, từ chức, khen thưởng, kỷ luật, nghỉ hưu đối với Kế toán trưởng theo đề nghị của Giám đốc.

Thời hạn bổ nhiệm Kế toán trưởng do Chủ tịch Công ty quyết định nhưng không quá 05 (năm) năm.

2. Kế toán trưởng có nhiệm vụ tổ chức thực hiện công tác kế toán của Công ty, giám sát tài chính tại Công ty theo pháp luật về tài chính, kế toán; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công và ủy quyền.

3. Tiêu chuẩn, quyền hạn và trách nhiệm của Kế toán trưởng áp dụng theo Luật Kế toán và Quy chế bổ nhiệm các chức danh quản lý Công ty. Các quy định về đánh giá, bổ nhiệm, khen thưởng, kỷ luật tương tự như Phó Giám đốc Công ty.

Điều 35. Phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ

1. Các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ của Công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Chủ tịch, Giám đốc Công ty trong quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, thực hiện công việc theo sự phân công của Chủ tịch, Giám đốc Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, giám sát về mặt nghiệp vụ chuyên môn đối với các đơn vị thuộc Công ty theo lĩnh vực công việc của chuyên môn, nghiệp vụ.

2. Nhiệm vụ cụ thể của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ và cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ giúp việc chuyên trách cho Chủ tịch công ty được quy định tại Quy chế quản lý nội bộ của Công ty do Giám đốc xây dựng trình Chủ tịch Công ty phê duyệt.

3. Trong quá trình hoạt động, Giám đốc Công ty có quyền đề nghị Chủ tịch Công ty thay đổi cơ cấu, biên chế, số lượng, chức năng và nhiệm vụ của các phòng, ban chuyên môn, nghiệp vụ cho phù hợp với nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật.

Điều 36. Đơn vị phụ thuộc

1. Đơn vị phụ thuộc là các chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty, hạch toán phụ thuộc của Công ty, có nhiệm vụ thực hiện toàn bộ hoặc một phần chức năng của Công ty kể cả chức năng đại diện theo ủy quyền. Ngành, nghề kinh doanh của đơn vị phụ thuộc phải phù hợp với ngành, nghề kinh doanh của Công ty.

2. Đơn vị phụ thuộc do Chủ tịch công ty quyết định thành lập, chấm dứt hoạt động sau khi có sự phê duyệt của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

3. Đơn vị phụ thuộc của Công ty hoạt động theo quy chế do Chủ tịch công ty phê duyệt theo đề nghị của Giám đốc Công ty.

4. Giám đốc các đơn vị phụ thuộc phải tự chịu trách nhiệm trước Công ty và pháp luật về việc quản lý vốn, tài sản được giao và kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh theo sự phân cấp đã được Công ty quy định.

5. Công ty chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính phát sinh đối với các cam kết của các đơn vị phụ thuộc Công ty.

6. Chủ tịch công ty, Giám đốc chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất, kinh doanh, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Quy chế quản lý tài chính và các nội dung thuộc trách nhiệm quản lý đã phân cấp cho Giám đốc đơn vị phụ thuộc theo quy định của pháp luật.

Mục 5

CÁC MỐI QUAN HỆ

Điều 37. Mối quan hệ giữa Công ty, chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước

Công ty có nghĩa vụ:

1. Chấp hành pháp luật, thực hiện nghiêm túc các quy định nhà nước có liên quan đến công ty.

2. Thực hiện quy hoạch, chiến lược phát triển công ty trong tổng thể quy hoạch, chiến lược phát triển ngành, lãnh thổ. Thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt, nhiệm vụ công ích do Chính phủ, cơ quan thuộc Chính phủ giao.

3. Chịu sự kiểm tra, thanh tra việc thực hiện pháp luật, chủ trương chính sách của nhà nước đối với công ty.

4. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá và các chế độ khác theo quy định của Chính phủ.

5. Thực hiện các định mức kinh tế - kỹ thuật, tiêu chuẩn, sản phẩm, chất lượng sản phẩm phù hợp với tiêu chuẩn cấp ngành, cấp quốc gia liên quan.

6. Thực hiện các quy định về bảo vệ tài nguyên môi trường,

7. Thực hiện các quan hệ về đối ngoại, xuất nhập khẩu.

8. Bảo đảm thực hiện các quyền lợi, nghĩa vụ với người lao động theo quy định của pháp luật.

9. Công ty chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan nhà nước về những lĩnh vực thuộc chức năng đã được pháp luật quy định.

Điều 38. Mối quan hệ giữa Chủ tịch công ty và Giám đốc về quản lý, điều hành Công ty

1. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Chủ tịch công ty nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc Công ty báo cáo với Chủ tịch Công ty để xem xét điều chỉnh lại quyết định. Trường hợp Chủ tịch Công ty không điều chỉnh lại quyết định thì Giám đốc có thể báo cáo cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty, nhưng vẫn phải thực hiện quyết định của Chủ tịch Công ty.

2. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả thì Giám đốc phải báo cáo Chủ tịch Công ty tìm biện pháp khắc phục khó khăn về tài chính và thông báo tình hình tài chính của Công ty cho tất cả chủ nợ biết. Trong trường hợp này, Chủ tịch, Giám đốc Công ty không được quyết định tăng tiền lương, không được trích lợi nhuận trả tiền thưởng cho cán bộ quản lý và người lao động.

3. Khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả mà không thực hiện các quy định tại Khoản 3 Điều này thì Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với chủ nợ.

4. Giám đốc lập và gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh hàng tháng, quý, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty cho Chủ tịch Công ty; có trách nhiệm báo cáo đột xuất về các vấn đề quản trị, tổ chức quản lý và điều hành của Công ty theo yêu cầu của Chủ tịch Công ty.

5. Giám đốc mời Chủ tịch Công ty hoặc người được Chủ tịch Công ty ủy quyền tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các báo cáo, đề án trình Chủ tịch Công ty hoặc trình Chủ sở hữu công ty do Giám đốc chủ trì để phối hợp chuẩn bị nội dung có liên quan. Chủ tịch Công ty hoặc người được ủy quyền tham dự có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

6. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Công ty và trước pháp luật về điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty về thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

7. Trường hợp Công ty lâm vào tình trạng phá sản mà Giám đốc không nộp đơn yêu cầu phá sản thì bị miễn nhiệm hoặc chấm dứt hợp đồng và chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; nếu Giám đốc không nộp đơn mà Chủ tịch Công ty không yêu cầu Giám đốc nộp đơn phá sản thì Chủ tịch Công ty bị miễn nhiệm.

8. Chủ tịch, Giám đốc Công ty:

a) Không được để vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của mình giữ chức danh Kế toán trưởng, thủ quỹ của Công ty;

b) Báo cáo Chủ sở hữu công ty về các hợp đồng kinh tế, dân sự của Công

ty ký kết với vợ hoặc chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của Chủ tịch, Giám đốc Công ty. Trường hợp phát hiện hợp đồng có mục đích tư lợi mà hợp đồng chưa được ký kết thì có quyền yêu cầu Chủ tịch, Giám đốc Công ty không được ký kết hợp đồng đó. Nếu hợp đồng đã được ký kết thì bị coi là vô hiệu, Chủ tịch, Giám đốc Công ty phải bồi thường thiệt hại cho Công ty và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

9. Khi vi phạm một trong các trường hợp sau đây nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự thì Chủ tịch, Giám đốc Công ty không được thưởng, không được nâng lương và bị xử lý kỷ luật tùy theo mức độ vi phạm:

a) Để Công ty lỗ mà không giải trình được nguyên nhân khách quan hoặc giải trình nguyên nhân nhưng không được chủ sở hữu chấp thuận;

b) Để mất vốn nhà nước;

c) Quyết định dự án đầu tư không hiệu quả, không thu hồi được vốn đầu tư, không trả được nợ;

d) Không bảo đảm tiền lương và các chế độ khác cho người lao động ở Công ty theo quy định của pháp luật về lao động;

đ) Để xảy ra các sai phạm về quản lý vốn, tài sản, về chế độ kế toán, kiểm toán và các chế độ khác do nhà nước quy định.

Điều 39. Mối quan hệ giữa Chủ tịch Công ty, Giám đốc và Kiểm soát viên trong quản lý, điều hành Công ty

1. Chủ tịch, Giám đốc Công ty được Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông báo đầy đủ, kịp thời về việc bổ nhiệm Kiểm soát viên, chế độ hoạt động và nội dung nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại Công ty.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty phải gửi thông tin đến Kiểm soát viên cùng một thời điểm và phương thức đối với các nội dung liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên.

3. Chủ tịch Công ty, Giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải đảm bảo để Kiểm soát viên thực hiện các quyền và trách nhiệm theo quy định tại Điều lệ này; thu xếp cơ sở vật chất và tạo điều kiện cho Kiểm soát viên tham gia các cuộc họp, tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

4. Kiểm soát viên được tham gia các cuộc họp, được thông báo kết quả các cuộc họp do Chủ tịch Công ty, Giám đốc Công ty chủ trì; các cuộc tham vấn và trao đổi chính thức và không chính thức của cơ quan đại diện chủ sở hữu với Chủ tịch, Giám đốc Công ty.

5. Kiểm soát viên có quyền chất vấn Chủ tịch, Giám đốc Công ty về các kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và các quyết định khác trong

quản lý điều hành Công ty.

6. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin cho Chủ tịch Công ty thì đồng thời gửi cho Kiểm soát viên.

7. Phối hợp hoạt động quản lý, điều hành, kiểm tra, giám sát giữa Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty theo các nhiệm vụ cụ thể:

a) Kiểm soát viên cần thể hiện tốt vai trò kiểm tra, giám sát và đánh giá toàn diện trước, trong và sau mọi hoạt động của Công ty;

b) Giám đốc khi trình những vấn đề cần xin ý kiến Chủ tịch Công ty, cũng đồng thời gửi cho Kiểm soát viên theo phương thức như đối với Chủ tịch Công ty;

c) Phối hợp hoạt động để thực hiện kiểm tra, giám sát việc quản lý và sử dụng phần vốn của Công ty đầu tư vào doanh nghiệp khác thông qua người đại diện phần vốn của Công ty và các quyền của cổ đông, bên góp vốn theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp lý có liên quan;

d) Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

8. Trường hợp Kiểm soát viên có dấu hiệu lợi dụng quyền hạn để gây cản trở cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty hoặc vi phạm các quy định của pháp luật, không thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được cơ quan đại diện chủ sở hữu giao, Chủ tịch Công ty có quyền báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thông báo cho Kiểm soát viên biết. Sau khi nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm xem xét, kết luận và đưa ra biện pháp xử lý kịp thời.

9. Kiểm soát viên phải gửi các báo cáo thuộc trách nhiệm được giao đến Bộ Nông nghiệp và Môi trường và Chủ tịch Công ty trừ trường hợp có quy định khác của chủ sở hữu. Trường hợp Chủ tịch Công ty có ý kiến khác Kiểm soát viên thì trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch Công ty, Bộ Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm trả lời đối với những vấn đề có ý kiến khác biệt.

10. Chủ tịch, Kiểm soát viên và Giám đốc Công ty cần thường xuyên thông báo tình hình, kết quả hoạt động cho nhau.

Mục 6

NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 40. Hình thức tham gia quản lý Công ty của người lao động

1. Quan hệ giữa Công ty và người lao động được thực hiện theo các quy

định của luật pháp, hợp đồng lao động và các điều khoản được ghi trong thỏa ước lao động tập thể. Tất cả cán bộ, viên chức, người lao động phải ký hợp đồng lao động (trừ những lãnh đạo cấp trên bổ nhiệm) người lao động được hưởng mọi quyền lợi về tiền lương, tiền thưởng và các khoản phúc lợi khác tương ứng với năng suất, hiệu quả mang lại cho Công ty.

2. Người lao động tham gia việc quản lý công ty thông qua các hình thức và tổ chức sau:

- a) Hội nghị toàn thể người lao động;
- b) Đối thoại đại diện người sử dụng lao động và người lao động theo quy định của pháp luật;
- c) Tổ chức công đoàn công ty;
- d) Ban Thanh tra Nhân dân;
- đ) Thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

Điều 41. Nội dung tham gia quản lý công ty của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến và đề xuất với cấp có thẩm quyền các vấn đề sau:

- a) Xây dựng và tổ chức thực hiện các nội quy, quy chế nội bộ Công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động;
- b) Nội dung của dự thảo hoặc dự thảo sửa đổi, bổ sung thỏa ước lao động tập thể trước khi ký kết;
- c) Các giải pháp nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tiết kiệm nguyên vật liệu, an toàn lao động, vệ sinh lao động, bảo vệ môi trường, cải thiện điều kiện làm việc, sắp xếp bố trí lao động;
- d) Phương án tổ chức lại, chuyển đổi Công ty;
- đ) Tham gia bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh quản lý, điều hành Công ty khi được yêu cầu theo quy định của pháp luật;
- e) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

2. Tập thể người lao động trong Công ty có quyền tham gia giám sát:

- a) Việc thực hiện nghị quyết Hội nghị người lao động;
- b) Việc thực hiện các nội quy, quy định, quy chế, Điều lệ của Công ty; thực hiện thỏa ước lao động tập thể; thực hiện hợp đồng lao động; thực hiện các chế độ, chính sách đối với người lao động;
- c) Việc thu và sử dụng các loại quỹ do người lao động đóng góp;
- d) Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo và tranh chấp lao động; kết quả thi đua, khen thưởng hằng năm;

đ) Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng và các chỉ tiêu kế hoạch của Công ty có liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động phù hợp với quy định của nhà nước;

e) Bầu Ban Thanh tra Nhân dân, đánh giá kết quả hoạt động và chương trình hoạt động của Ban Thanh tra Nhân dân;

g) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật.

3. Hằng năm, Công ty có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Ban Chấp hành Công đoàn tổ chức Hội nghị người lao động để bàn giải pháp thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất, kinh doanh mà Chủ tịch Công ty đã thông qua; đánh giá việc thực hiện thỏa ước lao động tập thể, các nội quy, quy chế của Công ty và những vấn đề khác liên quan tới quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động.

4. Quan hệ giữa Công ty và người lao động thực hiện theo các quy định pháp luật về lao động. Giám đốc lập kế hoạch để Chủ tịch Công ty thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động trong công ty cũng như mối quan hệ giữa công ty với các tổ chức Công đoàn của người lao động.

Chương V

TÀI CHÍNH CÔNG TY

Điều 42. Tiền lương, thù lao, tiền thưởng Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc Công ty và Kế toán trưởng

1. Tiền lương của Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng chuyên trách được xác định và trả theo hiệu quả sản xuất kinh doanh, kết quả quản lý điều hành có khống chế mức tối đa và đảm bảo tương quan hợp lý với tiền lương của người lao động trong Công ty.

2. Quỹ tiền lương, thù lao của Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng được xác định theo năm, tách riêng với quỹ tiền lương của người lao động; do Công ty xây dựng và trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường phê duyệt (không bao gồm tiền lương của Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng làm việc theo hợp đồng lao động).

3. Chế độ chi trả tiền lương, tiền thưởng như sau:

a) Hàng tháng, Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng được tạm ứng 80% của số tiền lương tạm tính cho tháng đó; số 20% còn lại chỉ được quyết toán và chi trả vào cuối năm.

b) Tiền thưởng được chi trả cho Chủ tịch, Giám đốc, Phó giám đốc, Kế

toán trưởng căn cứ vào Quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định khác của pháp luật, trong đó 90% tiền thưởng được thưởng vào cuối năm 10% còn lại thưởng khi kết thúc nhiệm kỳ.

Điều 43. Cơ chế hoạt động tài chính, Quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, phân phối lợi nhuận và xử lý lỗ trong kinh doanh của Công ty.

1. Việc quản lý vốn, tài sản, doanh thu, chi phí, giá thành, lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật, được cụ thể trong Quy chế quản lý tài chính Công ty do Giám đốc xây dựng trình Chủ tịch Công ty ban hành sau khi được chấp thuận của Chủ sở hữu.

2. Nội dung Quy chế quản lý tài chính Công ty được xây dựng trên nguyên tắc quản lý đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc sở hữu Nhà nước. Công ty có trách nhiệm cụ thể hóa trong Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Quy chế quản lý tài chính tối thiểu phải có các nội dung sau:

- a) Vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ.
- b) Quyền và nghĩa vụ của Công ty trong việc quản lý, sử dụng vốn, quỹ;
- c) Quản lý tài sản cố định, công nợ; kiểm kê, xử lý tổn thất tài sản, đánh giá lại tài sản;
- d) Quản lý doanh thu, chi phí, giá thành; lợi nhuận và phân phối lợi nhuận, sử dụng các quỹ;
- đ) Công tác kế hoạch tài chính kế toán, kiểm toán của Công ty;
- e) Tổ chức xây dựng đơn giá tiền lương, quản lý đơn giá tiền lương; cơ chế trả lương, thưởng của Công ty.

Điều 44. Tài chính, kế toán, kiểm toán, thanh tra

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 dương lịch và kết thúc ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

2. Công ty lập và gửi kế hoạch tài chính, kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm cho cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính và các cơ quan có liên quan theo quy định của pháp luật.

3. Công ty lập báo cáo tài chính quý, 6 tháng, năm theo quy định của pháp luật và gửi các cơ quan có liên quan, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính để thực hiện giám sát, kiểm tra theo quy định.

4. Trong trường hợp cần thiết cơ quan đại diện chủ sở hữu có quyền yêu cầu Công ty gửi bổ sung các báo cáo, tài liệu, thuyết minh chi tiết các chỉ tiêu tổng hợp trong báo cáo tài chính nêu trên.

5. Chủ tịch Công ty chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước cơ quan đại diện chủ sở hữu về tính chính xác, trung thực của báo cáo quyết toán năm của

Công ty; phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế, các nghĩa vụ tài chính của Công ty; phương án xử lý các khoản lỗ, xử lý tổn thất tài sản của Công ty.

6. Công ty thực hiện công tác kiểm tra, kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật nhằm phục vụ công tác điều hành của Giám đốc và công tác kiểm tra, giám sát hoạt động điều hành của Chủ tịch Công ty.

7. Công ty thực hiện công tác kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật về kế toán và thống kê.

8. Trong quá trình hoạt động, Công ty có trách nhiệm chấp hành, chịu sự thanh tra, kiểm tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Chương VI

TỔ CHỨC LẠI, CHUYỂN ĐỔI SỞ HỮU, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 45. Tổ chức lại Công ty

1. Công ty có thể được tổ chức lại theo các hình thức: Sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc tổ chức lại Công ty do Chủ sở hữu quyết định và thực hiện theo quy định của pháp luật.

3. Việc tổ chức lại Công ty tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 46. Chuyển đổi sở hữu Công ty

1. Công ty chuyển đổi sở hữu theo các hình thức sau:

a) Cổ phần hóa toàn bộ hoặc một bộ phận của Công ty;

b) Chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

2. Khi có quyết định chuyển đổi sở hữu, Công ty tiến hành chuyển đổi theo trình tự, thủ tục quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan về chuyển đổi sở hữu.

Điều 47. Chuyển giao Công ty

Bộ Nông nghiệp và Môi trường thực hiện chuyển giao quyền đại diện vốn nhà nước tại Công ty cho cơ quan đại diện Chủ sở hữu khác theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 48. Giải thể Công ty

1. Công ty bị xem xét giải thể trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;

b) Việc tiếp tục duy trì Công ty là không cần thiết.

2. Công ty chỉ được giải thể khi đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

3. Việc giải thể Công ty phải phù hợp với Quyết định phê duyệt đề án tổng thể sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp nhà nước của Thủ tướng Chính phủ; trường hợp việc giải thể Công ty chưa được quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì Chủ sở hữu phải trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo các quy định của pháp luật.

Điều 49. Phá sản Công ty

Việc phá sản Công ty được thực hiện quy định của pháp luật về phá sản doanh nghiệp.

Chương VII

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO, CÔNG KHAI THÔNG TIN

Điều 50. Công khai thông tin

1. Định kỳ công bố các thông tin sau đây trên trang thông tin điện tử của Công ty, cổng hoặc trang thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường đồng thời gửi Bộ Tài chính để công bố theo quy định sau khi được chủ sở hữu phê duyệt.

a) Thông tin cơ bản về Công ty và Điều lệ Công ty;

b) Chiến lược phát triển của Công ty;

c) Kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển năm (05) năm, hàng năm của Công ty;

d) Báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 (ba) năm gần nhất tính đến năm Công ty báo cáo;

đ) Báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ công ích hoặc đấu thầu (nếu có) và trách nhiệm xã hội khác;

e) Báo cáo tình hình thực hiện sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp hàng năm;

g) Báo cáo thực trạng quản trị và cơ cấu tổ chức của Công ty;

h) Báo cáo tài chính sáu (06) tháng và báo cáo tài chính năm của Công ty đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập.

2. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định của pháp luật nhằm bảo đảm yêu cầu công khai, minh bạch về hoạt động của công ty; bảo đảm tính hiệu quả, hiệu lực trong hoạt động quản lý và giám sát của các cơ quan nhà nước và xã hội.

3. Việc công bố thông tin do người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Trường hợp thực hiện công bố thông tin thông qua người được ủy quyền, Công ty phải gửi Giấy ủy quyền theo quy định đến cơ quan đại diện chủ sở hữu và Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đồng thời công khai nội dung này trên trang thông tin điện tử của Công ty. Người đại diện theo pháp luật của công ty hoặc người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, trung thực và chính xác của thông tin được công bố.

4. Nội dung, mẫu biểu công bố thông tin thực hiện theo quy định tại Nghị định số 47 và các sửa đổi bổ sung (nếu có).

Việc duy trì, bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thực hiện theo quy định của pháp luật và được quy định chi tiết tại Quy chế công bố thông tin của Công ty.

5. Công bố thông tin định kỳ:

a) Công ty phải định kỳ công bố các thông tin của doanh nghiệp do pháp luật quy định trên trang thông tin điện tử của công ty và Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường theo đúng thời hạn quy định.

b) Công ty xây dựng Quy chế công bố thông tin của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật bao gồm các nội dung về thẩm quyền, trách nhiệm, phân công nhiệm vụ của các cá nhân, bộ phận liên quan.

c) Các nội dung thông tin về kế hoạch kinh doanh hằng năm phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt trước khi công bố công khai theo quy định.

5. Công bố thông tin bất thường: Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử, ấn phẩm (nếu có) và niêm yết công khai tại trụ sở chính, địa điểm kinh doanh của công ty và gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu về các thông tin bất thường trong thời hạn 36 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại khoản 1 Điều 110 Luật Doanh nghiệp.

Điều 51. Trách nhiệm báo cáo và thông tin

1. Giám đốc có trách nhiệm gửi Chủ tịch Công ty những tài liệu sau đây theo định kỳ hàng quý:

a) Báo cáo về tình hình kinh doanh;

- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo khác theo quy định.

2. Chủ tịch Công ty có quyền yêu cầu Giám đốc, Người quản lý Công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất của đơn vị. Người được yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các nội dung theo yêu cầu.

3. Giám đốc là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

Điều 52. Báo cáo và thông tin cho chủ sở hữu

1. Chủ tịch Công ty lập và gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường những tài liệu sau đây:

- a) Báo cáo về tình hình kinh doanh Công ty;
- b) Báo cáo tài chính của Công ty;
- c) Báo cáo về thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Chủ tịch Công ty về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được uỷ quyền hoặc ghi tại quyết định bổ nhiệm (nếu có);
- d) Các báo cáo, tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

2. Kiểm soát viên trình Bộ Nông nghiệp và Môi trường:

- a) Báo cáo kết quả kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, căn trọng của Chủ tịch, Giám đốc Công ty trong việc tổ chức quyền của chủ sở hữu, trong việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty;
- b) Báo cáo kết quả thẩm định về báo cáo tài chính, báo cáo về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.
- c) Báo cáo về đánh giá công tác quản lý và các tài liệu khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật về chế độ thông tin, báo cáo của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu.

Việc duy trì, bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thực hiện theo quy định của pháp luật và được quy định chi tiết tại Quy chế công bố thông tin của Công ty.

3. Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên phải gửi báo cáo định kỳ mỗi quý một lần. Trường hợp đột xuất, Chủ sở hữu có quyền yêu cầu bằng văn bản Chủ tịch Công ty, Kiểm soát viên phải báo cáo hoặc cung cấp bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào

theo yêu cầu hợp pháp của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Việc duy trì, bảo quản, lưu trữ thông tin đã báo cáo, công bố thực hiện theo quy định của pháp luật và được quy định chi tiết tại Quy chế công bố thông tin của Công

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ KHÁC

Điều 53. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này theo đề nghị của Chủ tịch Công ty.

Điều 54. Quản lý con dấu của Công ty

1. Chủ tịch công ty quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty. Con dấu được khắc theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch, Giám đốc Công ty quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

Điều 55. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ

Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty được thực hiện trên nguyên tắc thương lượng, hòa giải. Trường hợp thương lượng, hòa giải không thành thì các bên đưa ra các cơ quan có thẩm quyền về giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 56. Phạm vi áp dụng, thi hành

1. Điều lệ hoặc quy chế tổ chức và hoạt động của đơn vị phụ thuộc của Công ty không được trái với các nội dung của Điều lệ này.

2. Các Quy chế nội bộ của Công ty phải tuân thủ các nguyên tắc, nội dung của Điều lệ này.

3. Chủ sở hữu, Công ty, các tổ chức và cá nhân có liên quan có trách nhiệm tuân thủ các quy định của Điều lệ này.

4. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa quy định tại Điều lệ này hoặc trong trường hợp các quy định mới của pháp luật khác với những quy định tại Điều lệ thì phải thực hiện theo quy định của pháp luật./.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG